

ỨNG DỤNG BLENDED LEARNING VÀO GIẢNG DẠY HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KHỐI NGÀNH KINH TẾ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CÔNG NGHIỆP LONG AN

Applying Blended Learning in Teaching the Course “Research Methodology” for Economics Majors at Long An University of Economics and Industry

Nguyễn Văn Toàn¹

¹Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Tây Ninh, Việt Nam
nguyen.toan@daihoclongan.edu.vn

Tóm tắt — Blended Learning, mô hình kết hợp giữa dạy học trực tiếp và trực tuyến, giúp người học linh hoạt tiếp cận kiến thức, đồng thời hỗ trợ giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An. Khảo sát học phần *Phương pháp nghiên cứu khoa học* đối với sinh viên khối ngành Kinh tế (các lớp 23TC, 23QT, 23KT) cho thấy Blended Learning được đánh giá cao nhờ tính linh hoạt, hiệu quả và khả năng hỗ trợ học tập chủ động. Hệ thống E-learning tạo điều kiện truy cập tài liệu và bài giảng thuận lợi, trong khi các buổi học trực tiếp (thảo luận nhóm, seminar) tăng cường tương tác và hiểu sâu nội dung. Sinh viên bày tỏ sự hài lòng về nội dung, phương pháp, hình thức kiểm tra và sự hỗ trợ từ giảng viên. Kết quả khẳng định Blended Learning là phương pháp hiệu quả, cần tiếp tục nhân rộng, đồng thời đề xuất nhà trường đầu tư hạ tầng, hỗ trợ giảng viên và nâng cao ý thức tự học của sinh viên.

Abstract — Blended Learning, a model that integrates face-to-face and online instruction, allows learners flexible access to knowledge while enabling instructors to innovate their teaching practices. This approach aligns with digital transformation trends and enhances educational quality at Long An University of Economics and Industry. A survey conducted in the *Research Methodology* course for Economics majors (classes 23TC, 23QT, and 23KT) revealed that students highly appreciated Blended Learning for its flexibility, effectiveness, and support for self-directed learning. The E-learning system facilitated convenient access to materials and lectures, while in-person activities such as group discussions and seminars strengthened interaction and deeper comprehension. Students reported satisfaction with the course content, teaching methods, assessment formats, and instructor support. Findings confirm that Blended Learning is an effective pedagogical approach that should be further expanded, with recommendations for institutional investment in infrastructure, faculty support, and the enhancement of students' self-learning capacity.

Từ khóa — Học tập kết hợp, E-learning, LMS, Blended learning, Research Methodology.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh khoa học – công nghệ không ngừng phát triển, giáo dục đại học đứng trước yêu cầu cấp thiết phải đổi mới để bắt kịp xu thế chuyển đổi số toàn cầu. Một trong những giải pháp nổi bật là mô hình học tập kết hợp (Blended Learning), được xem như bước trung gian giữa phương pháp giảng dạy truyền thống và học trực tuyến hiện đại. Mô hình này không chỉ tận dụng hiệu quả công nghệ số vào giảng dạy, mà còn giúp người học rèn luyện ý thức tự học, phát triển tư duy độc lập và linh hoạt trong việc lựa chọn thời gian, không gian học tập, khắc phục được phần nào hạn chế của phương thức học tập cố định tại lớp học.

Việc ứng dụng Blended Learning trong giảng

dạy đại học ngày càng phổ biến, không chỉ phát huy thế mạnh công nghệ của thế hệ sinh viên (SV) trẻ mà còn mở rộng phương pháp giảng dạy cho giảng viên theo hướng linh hoạt, hiện đại và tương tác cao. Qua đó, mô hình này góp phần nâng cao chất lượng dạy – học, tiết kiệm thời gian, chi phí và tạo dựng môi trường học tập đa dạng, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong thời đại số.

Tuy nhiên, việc triển khai Blended Learning tại các trường đại học Việt Nam vẫn còn gặp không ít khó khăn như hạn chế về cơ sở hạ tầng, mức độ sẵn sàng của giảng viên, sinh viên và phương pháp tổ chức lớp học. Đặc biệt, theo Công văn số 4771/BGDĐT-CNTT ngày 06/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

và thống kê giáo dục năm học 2023 – 2024, các cơ sở giáo dục đại học cần đẩy mạnh triển khai các mô hình dạy học có ứng dụng công nghệ như blended learning, E-learning, hệ thống LMS nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển năng lực số cho người học và thực hiện hóa lộ trình chuyển đổi số trong giáo dục [1]. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các nghiên cứu cụ thể đánh giá hiệu quả của mô hình này khi áp dụng vào những học phần có tính lý luận và phương pháp cao, như học phần Phương pháp Nghiên cứu Khoa học (PPNCKH).

Xuất phát từ thực tiễn đó, tác giả lựa chọn đề tài: “Ứng dụng Blended Learning vào giảng dạy học phần Phương pháp Nghiên cứu Khoa học khối ngành Kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An” nhằm đánh giá tính khả thi, hiệu quả và những thuận lợi, khó khăn khi áp dụng mô hình trong điều kiện cụ thể của nhà trường và đề xuất các giải pháp thiết thực góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, phát huy tính chủ động của SV và thúc đẩy đổi mới phương pháp giảng dạy đại học trong thời đại số.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai thông qua xây dựng bài giảng trực tuyến cho học phần PPNCKH trên nền tảng hệ thống DLA E-learning, kết hợp áp dụng thực tế mô hình Blended Learning giảng dạy cho SV các lớp 23TC, 23QT, 23KT (khối ngành Kinh tế) trong năm 2025 gồm thiết kế, triển khai bài giảng và đánh giá mức độ tiếp nhận, hiệu quả mô hình thông qua khảo sát sinh viên tham gia các lớp trên, không mở rộng sang học phần hay ngành khác.

Dữ liệu sơ cấp thu thập thông qua tài khoản giảng viên nguyen.toan@daihoclongan.edu.vn trên hệ thống quản lý học tập trực tuyến <https://elearning.dla.edu.vn>, với nội dung tham khảo từ tài liệu giảng dạy của TS. Nguyễn Văn Toàn (2022) [2]. Sau khi kết thúc học phần, một khảo sát trực tuyến được thực hiện qua Google Form và đã được hiệu chỉnh trước đó trên nhóm thử nghiệm nhằm đảm bảo tính phù hợp và độ tin cậy của công cụ đo lường. Nội dung khảo sát gồm 3 phần: (1) Hiểu biết và kỹ năng sử dụng công cụ dạy – học trực tuyến (07 câu hỏi); (2) Nhận xét về phương pháp giảng dạy Blended Learning (08 câu hỏi); (3) Đề xuất – kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng (07 câu hỏi).

Bảng hỏi được thiết kế dựa trên mục tiêu nghiên cứu và các khái niệm lý thuyết liên quan. Trước khi khảo sát chính thức, bảng hỏi được thử nghiệm qua phỏng vấn mẫu để đánh giá mức độ rõ ràng và tính phù hợp của các câu hỏi, sau đó điều

chỉnh để hoàn thiện. Bảng hỏi sau đó được triển khai dưới dạng Google Form nhằm thuận tiện trong việc thu thập dữ liệu.

Dữ liệu thứ cấp bao gồm bài giảng và đề cương chi tiết của học phần *Phương pháp Nghiên cứu Khoa học* (2022), cùng với các tài liệu nghiên cứu liên quan đến mô hình Blended Learning [3], [4], [5]. Tất cả dữ liệu khảo sát được tổng hợp và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel, làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá hiệu quả triển khai mô hình giảng dạy Blended Learning và đề xuất khả năng ứng dụng cho các học phần có đặc thù tương tự trong chương trình đào tạo.

3. Cơ sở lý thuyết

3.1. Khung lý thuyết giảng dạy

Giảng dạy hiệu quả không đơn thuần là áp dụng một tập hợp kỹ thuật cố định cho mọi học phần, mà là quá trình đưa ra các quyết định dựa trên ngữ cảnh giảng dạy cụ thể: từ nội dung học tập, đặc điểm người học đến việc lựa chọn phương pháp phù hợp. Một giảng viên giảng dạy tốt là người liên tục cải tiến phương pháp và công cụ đánh giá, quan sát sự tiến bộ của SV và điều chỉnh hoạt động giảng dạy để đáp ứng nhu cầu học tập thực tế. Do đó, giảng viên cần có một khung lý thuyết dạy học vững chắc nhằm đưa ra quyết định giảng dạy dựa trên sự kết hợp giữa mô hình, chiến lược, phương pháp và kỹ năng dạy học.

Khung lý thuyết dạy học mô tả mối quan hệ giữa các cấp độ tiếp cận trong giảng dạy, từ tổng quát đến cụ thể. Mô hình dạy học là cấp độ bao quát nhất, phản ánh định hướng triết lý và cách xử lý thông tin, hành vi, tương tác xã hội và phát triển cá nhân trong lớp học. Dưới mô hình là chiến lược dạy học – là cách tiếp cận tổng thể mà giảng viên lựa chọn để đạt mục tiêu, có thể là trực tiếp, gián tiếp, tương tác, trải nghiệm hoặc độc lập.

Phương pháp dạy học là công cụ mà giảng viên sử dụng để tổ chức môi trường học tập, như thuyết giảng, nghiên cứu tình huống, mô phỏng, tranh luận,... Đây là hình thức trung gian liên kết giữa chiến lược và kỹ năng giảng dạy. Kỹ năng giảng dạy là cấp độ cụ thể nhất, bao gồm các hành vi như đặt câu hỏi, giải thích, hướng dẫn, trình bày, lập kế hoạch, quản lý lớp học, ...

Mỗi giảng viên có thể linh hoạt sử dụng kết hợp các mô hình, chiến lược, phương pháp và kỹ năng khác nhau phù hợp với từng học phần. Việc hiểu rõ khung lý thuyết giảng dạy không chỉ giúp giảng viên tự đánh giá, điều chỉnh hoạt động giảng dạy mà còn góp phần nâng cao tính nghệ thuật và hiệu quả trong giáo dục đại học.

3.2. Các phương pháp giảng dạy phổ biến hiện nay

Phương pháp giảng dạy chủ động là một cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, trong đó nhấn mạnh việc phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của sinh viên thay vì chỉ truyền đạt kiến thức theo chiều hướng một chiều từ giảng viên. Để thực hiện hiệu quả phương pháp này, giảng viên cần đầu tư thời gian và công sức vào việc thiết kế bài giảng, lựa chọn chiến lược giảng dạy phù hợp, đồng thời tổ chức các hoạt động học tập đa dạng nhằm khơi gợi tư duy phản biện, khả năng tương tác và sự tham gia tích cực của sinh viên [6].

Theo Biggs (2003), hiệu quả học tập của sinh viên tăng đáng kể khi họ được tham gia vào các hoạt động học tập có sự phối hợp của nhiều giác quan, được áp dụng kiến thức vào thực tiễn hoặc truyền đạt lại nội dung đã học cho người khác [3]. Mô hình “Tháp học tập” minh họa cho quan điểm này, cho thấy tỷ lệ ghi nhớ thông tin của người học sẽ cao hơn đáng kể khi họ được “làm” (learning by doing) thay vì chỉ “nghe” hoặc “đọc”. Điều này cho thấy sự cần thiết của việc lồng ghép các hoạt động chủ động và thực hành trong thiết kế dạy học hiện đại.

Giảng dạy chủ động góp phần làm phong phú môi trường học, nâng cao chất lượng tiếp thu và phát triển năng lực tự học của SV. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày một số phương pháp giảng dạy chủ động tiêu biểu được áp dụng tại các trường đại học tiên tiến và tại Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An (DLA).

3.2.1. Phương pháp giảng dạy thuyết giảng tích cực:

Thuyết giảng là phương pháp dạy học truyền thống lâu đời, trong đó giảng viên trình bày nội dung kiến thức qua lời nói. Phương pháp này giúp truyền tải kiến thức nhanh chóng, bao quát chương trình và tiết kiệm thời gian. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở việc “giảng – nghe”, SV dễ trở nên thụ động, giảm hứng thú học tập.

Thuyết giảng tích cực là cách cải tiến phương pháp này theo hướng tương tác. Thay vì đơn thuần truyền đạt, giảng viên tạo điều kiện để người học tham gia vào quá trình xây dựng kiến thức: đặt câu hỏi, gợi mở vấn đề, yêu cầu SV tư duy và phản hồi. Nếu thực hiện đúng cách, thuyết giảng vẫn có thể trở thành một phương pháp tích cực, hiệu quả.

Một trong những hạn chế lớn nhất của phương pháp thuyết giảng truyền thống là sự suy giảm mức độ tập trung của sinh viên trong suốt thời gian bài giảng. Theo nghiên cứu của Hartley và Davies

(1978), sinh viên chỉ ghi nhớ khoảng 70% nội dung trong 10 phút đầu tiên và giảm xuống còn 20% trong 10 phút cuối của buổi học [7]. Tương tự, Jensen (1998) cũng khẳng định rằng khả năng tập trung cao độ của người học thường chỉ kéo dài tối đa khoảng 10 phút [8]. Những phát hiện này cho thấy việc cải tiến cách thức tổ chức giảng dạy là hết sức cần thiết để nâng cao hiệu quả tiếp thu.

Hai yếu tố then chốt có thể giúp cải thiện hiệu quả của bài giảng. Thứ nhất là phương pháp trình bày: nội dung cần được truyền đạt một cách ngắn gọn, mạch lạc và có tính gợi mở. Giảng viên nên đặt vấn đề trước khi đưa ra kết luận để kích thích tư duy phản biện, thay vì cung cấp đáp án ngay lập tức. Khi sinh viên được yêu cầu suy nghĩ, mức độ tập trung và khả năng ghi nhớ của họ sẽ tăng lên đáng kể.

Thứ hai là tổ chức hoạt động đan xen trong quá trình giảng dạy. Các hoạt động như thảo luận nhanh, hỏi – đáp, phản hồi ngắn, hoặc làm bài tập nhóm nên được chèn vào sau mỗi 12–18 phút giảng bài. Theo Ruhl, Hughes và Schloss (1987), chỉ cần xen kẽ 2 phút thảo luận cũng giúp sinh viên cải thiện khả năng ghi nhớ, thậm chí duy trì hiệu quả trong vòng 12 ngày sau bài học [9]. Bên cạnh đó, mô hình “giảng – phản hồi” được triển khai tại Đại học Bang Oregon - trong đó mỗi 20 phút giảng bài được nối tiếp bằng 20 phút thảo luận - đã nhận được sự hưởng ứng tích cực từ sinh viên, với 99% đánh giá mô hình này giúp họ học tập hiệu quả hơn [10].

Ưu điểm của thuyết giảng tích cực là giúp SV phát triển các kỹ năng cần thiết như lắng nghe, ghi chép và tư duy logic thông qua quá trình tiếp nhận thông tin có hệ thống từ giảng viên. Phương pháp này đặc biệt phù hợp với lớp học đông vì không đòi hỏi nhiều trang thiết bị, dễ tổ chức, tiết kiệm thời gian và chi phí. Bên cạnh đó, giảng viên có thể bao quát toàn bộ nội dung học phần trong khoảng thời gian nhất định, giúp đảm bảo tiến độ chương trình đào tạo.

Tuy nhiên, thuyết giảng tích cực cũng có những hạn chế. Nếu giảng viên không có kỹ năng tương tác hiệu quả, lớp học dễ trở nên đơn điệu, khiến SV mất tập trung và cảm thấy nhàm chán. Phương pháp này cũng khó đáp ứng được nhu cầu cá nhân hóa trong học tập do SV ít có cơ hội thể hiện quan điểm riêng hoặc học theo tốc độ của bản thân. Nếu không được thiết kế kèm theo các hoạt động như thảo luận, đặt câu hỏi, thì sẽ làm giảm tính chủ động và khả năng sáng tạo của người học.

3.2.2. Phương pháp giảng dạy nêu vấn đề (Problem-Based Learning – PBL):

Phương pháp giảng dạy dựa vào nêu vấn đề là một cách tiếp cận hiện đại, lấy người học làm trung tâm, trong đó các tình huống phức tạp, thực tế được sử dụng làm nền tảng để SV khám phá kiến thức mới. Thay vì truyền đạt trực tiếp các khái niệm, giảng viên sẽ nêu ra một vấn đề mở để SV tự nghiên cứu, thảo luận, trao đổi và đề xuất giải pháp. Mục tiêu không chỉ là tìm ra câu trả lời đúng mà còn giúp SV phát triển tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp.

Phương pháp này khuyến khích SV chủ động khám phá, xây dựng kiến thức và chuẩn bị năng lực thích ứng với môi trường thực tiễn. Ví dụ, thay vì giảng định nghĩa “nghiên cứu khoa học”, giảng viên có thể yêu cầu SV tìm hiểu và thảo luận các quan điểm khác nhau, từ đó hình thành hiểu biết sâu sắc hơn. Những đặc trưng nổi bật của PBL gồm: khuyến khích làm việc nhóm, thúc đẩy ra quyết định độc lập, kết nối giữa kiến thức hiện tại và kiến thức đã học và giải quyết các vấn đề có tính chất mở và phức tạp.

Tuy nhiên, PBL cũng tồn tại một số hạn chế cần cân nhắc khi triển khai. Thứ nhất, phương pháp này đòi hỏi nhiều thời gian và công sức từ cả giảng viên và SV. Giảng viên cần chuẩn bị tình huống phù hợp, hướng dẫn nhóm học tập và đánh giá tiến trình học tập phức tạp hơn. Thứ hai, việc tổ chức lớp học và phân chia nhóm học có thể gặp khó khăn nếu số lượng SV đông hoặc thiếu điều kiện cơ sở vật chất. Thứ ba, SV chưa quen với lối học chủ động có thể cảm thấy áp lực hoặc bị động nếu thiếu kỹ năng tự học và làm việc nhóm.

Ngoài ra, PBL có thể khiến SV mất cân bằng giữa việc phát triển kỹ năng và tiếp thu kiến thức nền tảng nếu không được định hướng tốt. Việc đánh giá hiệu quả học tập cũng đòi hỏi nhiều công cụ kết hợp như tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng, phản hồi nhóm, v.v. Nếu thiếu kinh nghiệm, giảng viên có thể gặp khó khăn trong việc đảm bảo công bằng và chính xác khi chấm điểm.

3.2.3. Phương pháp giảng dạy thảo luận nhóm:

Phương pháp giảng dạy thảo luận nhóm là hình thức người dạy chia lớp thành các nhóm nhỏ để học viên cùng nhau trao đổi, làm việc, tìm ra quan điểm chung về một vấn đề cụ thể trong nội dung bài học. Phương pháp này thường được sử dụng trong môi trường dạy học tích cực nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và khả năng tư duy của người học. Thảo luận nhóm đặc biệt phù hợp với người học trưởng thành - những người có kinh nghiệm sống, có khả năng phân tích, phản biện và chia sẻ quan điểm cá nhân.

Một trong những ưu điểm nổi bật của phương pháp thảo luận nhóm là tạo cơ hội cho người học thể hiện chính kiến, đồng thời rèn luyện kỹ năng hợp tác, tư duy phản biện và trình bày. Thay vì học một chiều với vai trò thụ động, người học chủ động tìm hiểu, nêu ý kiến, tiếp nhận và đánh giá các quan điểm khác nhau trong quá trình trao đổi. Ngoài ra, hoạt động nhóm còn giúp người học hình thành thói quen lắng nghe, ứng xử và phản hồi một cách linh hoạt, phù hợp trong giao tiếp. Người dạy cũng có thể cập nhật thêm những góc nhìn thực tiễn từ chính người học thông qua các thảo luận.

Tuy nhiên, phương pháp này cũng có một số hạn chế nhất định. Việc tổ chức thảo luận nhóm đòi hỏi thời gian chuẩn bị và giám sát khá nhiều. Hiệu quả của nhóm phụ thuộc vào sự tham gia đồng đều của các thành viên, trong khi đó sự khác biệt về năng lực, thái độ học tập hoặc khả năng giao tiếp có thể ảnh hưởng đến kết quả chung. Nếu không được điều phối tốt, một số nhóm có thể rơi vào tình trạng tranh luận lan man, lệch trọng tâm hoặc không đưa ra kết luận rõ ràng.

3.2.4. Phương pháp giảng dạy Seminar:

Phương pháp giảng dạy seminar là một hình thức tổ chức dạy học tích cực thường được sử dụng trong môi trường đại học, đặc biệt phù hợp với SV các ngành kinh tế, ngôn ngữ và khoa học xã hội. Trong phương pháp này, người học đảm nhận vai trò trung tâm, chủ động chuẩn bị tài liệu, nghiên cứu chuyên đề, trình bày nội dung và tham gia thảo luận, phản biện dưới sự hướng dẫn và điều phối của giảng viên. Quá trình seminar giúp SV không chỉ tiếp thu kiến thức mà còn phát triển năng lực nghiên cứu, tư duy phản biện và các kỹ năng mềm thiết yếu.

Theo Nguyễn Văn Toàn và Mai Phương (2014), hoạt động seminar không chỉ đơn thuần là một hình thức học tập, mà còn là một quá trình huấn luyện nghề nghiệp có tính hệ thống và định hướng năng lực. Thông qua quá trình này, sinh viên từng bước hình thành và phát triển các nhóm năng lực quan trọng, bao gồm: năng lực chuẩn bị (tìm hiểu tài liệu, lập kế hoạch, tư duy logic), năng lực thực hiện (trình bày, thảo luận, liên hệ thực tiễn) và năng lực tự đánh giá (kiểm tra kết quả, phản tư và điều chỉnh nhận thức). Những nhóm kỹ năng này không chỉ hỗ trợ người học trong quá trình học tập mà còn đóng vai trò nền tảng để họ phát triển thành những chuyên gia có năng lực, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp [11].

Ưu điểm nổi bật của phương pháp seminar là tạo điều kiện cho SV tiếp cận chuyên sâu với một chủ đề học thuật, phát triển tư duy độc lập và tinh

thần làm việc nhóm. Người học được rèn luyện kỹ năng trình bày, biết lắng nghe và tiếp nhận phản hồi từ người khác, từ đó mở rộng hiểu biết và nâng cao hiệu quả học tập. Đồng thời, seminar góp phần thúc đẩy tính dân chủ trong môi trường học đường, khuyến khích SV tích cực tương tác và tham gia các hoạt động học thuật.

Tuy nhiên, phương pháp này cũng tồn tại một số hạn chế. Việc chuẩn bị seminar đòi hỏi nhiều thời gian và công sức, đặc biệt là khâu tìm kiếm tài liệu và xây dựng nội dung trình bày. Một số SV có xu hướng sa đà vào hình thức mà thiếu trọng tâm học thuật. Nếu không có sự giám sát, định hướng chặt chẽ từ giảng viên, seminar có thể thiếu chiều sâu, không đạt được mục tiêu học tập như kỳ vọng.

3.2.5. Phương pháp giảng dạy lớp học đảo ngược (Flipped Classroom):

Phương pháp lớp học đảo ngược là một mô hình dạy học hiện đại, trong đó người học được tiếp cận trước nội dung bài giảng thông qua các tài liệu số như video, bài đọc hoặc bài tập trên hệ thống E-learning, trước khi đến lớp. Khác với lớp học truyền thống, lớp học đảo ngược tập trung thời gian trên lớp cho các hoạt động tương tác như thảo luận, thực hành, giải quyết tình huống,... từ đó giúp SV chủ động hơn trong quá trình tiếp thu kiến thức.

Cấu trúc của phương pháp này gồm ba bước chính: (1) Học trước ở nhà qua tài liệu hoặc video do giảng viên cung cấp; (2) Tham gia học trực tiếp tại lớp hoặc qua livestream với nội dung xoay quanh thảo luận và ứng dụng thực tiễn; (3) Tiếp tục ôn tập, hoàn thiện bài tập và đánh giá sau buổi học thông qua hệ thống E-learning. Với hình thức này, người học vừa được học tập cá nhân hóa, vừa tăng cường cơ hội tương tác trong lớp học, từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Một điểm nổi bật của lớp học đảo ngược là chuyển trọng tâm từ giảng viên sang người học. Thay vì thụ động tiếp nhận kiến thức trên lớp như phương pháp truyền thống, người học giờ đây phải chủ động tìm hiểu trước bài, ghi chú những nội dung chưa hiểu để đặt câu hỏi hoặc tham gia thảo luận trên lớp. Điều này phát triển kỹ năng tư duy phân biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng học tập suốt đời. Ngoài ra, phương pháp này còn phù hợp với mô hình học tập linh hoạt, quy mô lớn, có thể triển khai đồng thời ở nhiều lớp học và khu vực khác nhau. Việc ứng dụng công nghệ số giúp giảm chi phí đào tạo và hỗ trợ quá trình học tập diễn ra liên tục, không bị giới hạn bởi không gian lớp học truyền thống. Tuy nhiên, lớp học đảo ngược cũng đối mặt một số thách thức như: yêu cầu người học phải có thiết bị, đường truyền internet ổn định và

thói quen tự học tốt. Việc thiết kế bài giảng cũng đòi hỏi giảng viên phải đầu tư công phu, tạo ra tài liệu học tập hấp dẫn và dễ hiểu.

3.2.6. Phương pháp giảng dạy trực tuyến

Phương pháp giảng dạy trực tuyến (E-learning) là một hình thức dạy học hiện đại sử dụng công nghệ thông tin và Internet để tổ chức quá trình giảng dạy và học tập mà không phụ thuộc vào không gian vật lý. Phương pháp này lần đầu được biết đến vào năm 1999 tại Hội nghị quốc tế về đào tạo dựa trên máy tính (Computer-Based Training – CBT) và đến năm 2010, E-learning bắt đầu được áp dụng phổ biến tại Việt Nam. Đặc biệt, sau đại dịch Covid-19 bùng phát cuối năm 2019, giảng dạy trực tuyến đã trở thành xu hướng toàn cầu, giúp duy trì hoạt động giáo dục trong điều kiện giãn cách xã hội, đồng thời mở ra một kỷ nguyên mới cho giáo dục số.

Giảng dạy trực tuyến bao gồm ba thành phần chính: (1) hạ tầng truyền thông và mạng, bao gồm các thiết bị đầu cuối và đường truyền Internet; (2) hạ tầng phần mềm, như các hệ thống quản lý học tập LMS, LCMS hỗ trợ tổ chức và điều phối hoạt động học tập; và (3) nội dung đào tạo, là phần cốt lõi gồm bài giảng, video, tài liệu học tập được số hóa và tích hợp trên hệ thống.

Lợi ích của giảng dạy trực tuyến rất rõ ràng. Trước hết, hình thức này giúp tiết kiệm thời gian và chi phí đáng kể cho cả nhà trường và người học. Không cần mặt bằng, cơ sở vật chất lớn, cũng không bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý, các lớp học có thể mở rộng quy mô dễ dàng và tiếp cận nhiều SV cùng lúc. Ngoài ra, việc quản lý và vận hành hệ thống học tập trở nên hiệu quả hơn nhờ khả năng tự động hóa các quy trình như giao bài, chấm điểm, điểm danh, thống kê kết quả học tập...

E-learning cũng mang lại tính linh hoạt cao, cho phép SV tự chọn thời gian, tốc độ học phù hợp với bản thân. Người học có thể chủ động xây dựng kế hoạch học tập cá nhân và hệ thống hóa kiến thức qua nhiều công cụ hỗ trợ trực tuyến. Đặc biệt, phương pháp này còn lấy người học làm trung tâm, khi các nền tảng hiện nay đều tích hợp tính năng tương tác, phản hồi tức thời, khuyến khích người học tham gia xây dựng bài, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy.

Tuy nhiên, giảng dạy trực tuyến cũng gặp nhiều thách thức. Thứ nhất là vấn đề công nghệ – kỹ thuật, nhiều giảng viên và SV lớn tuổi hoặc chưa thành thạo công nghệ sẽ gặp khó khăn khi sử dụng các nền tảng học tập. Thứ hai là hạn chế về tương tác, khi không gian ảo khó tạo được sự kết nối như lớp học truyền thống, ảnh hưởng đến sự

tham gia và động lực học tập của SV. Ngoài ra, nguy cơ sao nhãng cũng cao hơn do người học dễ bị cuốn vào các yếu tố gây mất tập trung trong môi trường học tập không được giám sát chặt chẽ.

Cuối cùng, thiết bị và điều kiện học tập không đồng đều là một rào cản lớn. Nhiều SV không có thiết bị phù hợp hoặc đường truyền Internet ổn định, gây khó khăn trong việc tiếp cận bài giảng và tham gia học tập đầy đủ.

3.2.7. Phương pháp giảng dạy kết hợp (Blended Learning)

Phương pháp dạy học kết hợp là mô hình tích hợp giữa hình thức dạy học trực tiếp (Face-to-Face – F2F) và dạy học trực tuyến (Online Learning), nhằm khai thác tối đa ưu điểm của cả hai hình thức giảng dạy trong cùng một chương trình. Đây là xu hướng phát triển mạnh mẽ trong giáo dục hiện đại, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục đang diễn ra toàn cầu.

Blended Learning không đơn thuần là sự kết hợp ngẫu nhiên giữa một số buổi học trực tuyến và các buổi học truyền thống, mà là một phương pháp giảng dạy được thiết kế có chủ đích và khoa học. Phương pháp này tích hợp linh hoạt các hoạt động giảng dạy và học tập, nhằm tối ưu hóa quá trình tiếp thu kiến thức, phát triển kỹ năng và tăng cường tính chủ động của người học. Cụ thể, các nội dung mang tính lý thuyết, kiến thức nền tảng sẽ được chuyển sang hình thức học trực tuyến để sinh viên có thể chủ động tiếp cận, ôn luyện; và các buổi học trực tiếp được sử dụng để tổ chức các hoạt động mang tính tương tác như thảo luận, thực hành, giải quyết vấn đề và đánh giá. Sự phân bổ này giúp đảm bảo hiệu quả học tập toàn diện cả về mặt kiến thức lẫn kỹ năng ứng dụng thực tiễn [4], [5].

Blended Learning đã và đang được triển khai rộng rãi tại nhiều quốc gia trên thế giới nhờ khả năng cá nhân hóa lộ trình học tập, tiết kiệm thời gian, chi phí và tăng tính linh hoạt cho người học. Một khảo sát quốc tế cho thấy tốc độ tăng trưởng của hình thức học tập kết hợp này có thể đạt tới hơn 40% mỗi năm. Tại Việt Nam, Blended Learning được chú ý và áp dụng ngày càng nhiều, đặc biệt là trong các cơ sở giáo dục đại học và đào tạo nghề, nhất là sau giai đoạn giãn cách xã hội do dịch Covid-19. Blended Learning mang lại nhiều lợi ích thiết thực, có thể kể đến như:

Tăng khả năng tương tác đa chiều: Người học không chỉ tiếp cận được nhiều dạng học liệu đa phương tiện (video, slide, hình ảnh, văn bản,...) mà còn có cơ hội tương tác với giảng viên, bạn học cũng như cộng đồng học tập mở rộng qua các nền tảng trực tuyến.

Tính linh hoạt cao: Người học có thể chủ động lựa chọn thời gian, không gian học tập phù hợp với điều kiện cá nhân, từ đó phát huy tính tự học, tự nghiên cứu và năng lực tự quản lý học tập.

Tăng cường chất lượng đào tạo: Nhờ hệ thống học liệu số hóa, công cụ đánh giá tự động và báo cáo học tập chi tiết, giảng viên có thể dễ dàng theo dõi tiến độ, năng lực và kết quả học tập của từng SV để có sự điều chỉnh phù hợp.

Tuy nhiên, việc triển khai Blended Learning cũng đối mặt với một số thách thức, như yêu cầu về cơ sở hạ tầng công nghệ, trình độ sử dụng công nghệ của giảng viên và SV, sự đồng bộ trong thiết kế học liệu giữa hai môi trường học tập,... Ngoài ra, sự thành công của Blended Learning còn phụ thuộc vào đặc thù môn học, mức độ chủ động của người học và chiến lược tổ chức đào tạo của mỗi đơn vị giáo dục.

Blended Learning có nhiều mô hình triển khai đa dạng như: Face-to-Face Driver, Rotation, Flex, Online Lab, Self-Blend và Online Driver. Mỗi mô hình lại phù hợp với những đặc thù khác nhau về cấp học, đối tượng học viên và mục tiêu đào tạo. Việc lựa chọn mô hình nào cần dựa trên điều kiện thực tiễn của từng cơ sở đào tạo và sự sẵn sàng của cả giảng viên lẫn người học.

4. Giới thiệu về hệ thống DLA E-learning tại đại học Kinh tế Công nghiệp Long An

Trong xu thế chuyển đổi số trong giáo dục hiện nay, Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An đã và đang từng bước triển khai ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào hoạt động giảng dạy và học tập. Một trong những giải pháp nổi bật là phát triển và vận hành hệ thống học tập trực tuyến – DLA E-learning, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt, hiện đại và hiệu quả cho giảng viên và SV toàn trường.

4.1. Hệ thống quản lý khóa học (CMS/LMS)

Trọng tâm của DLA E-learning là Hệ thống quản lý khóa học (Course Management System - CMS), hay còn gọi là Learning Management System - LMS, được xây dựng trên nền tảng web. Hệ thống này hoạt động như một cổng thông tin tập trung, nơi giảng viên và SV có thể truy cập mọi lúc, mọi nơi thông qua trình duyệt web khi có kết nối Internet. Đây là môi trường quản lý học tập số giúp giảng viên tổ chức nội dung giảng dạy, kiểm soát truy cập, chia sẻ tài nguyên học tập và theo dõi kết quả học tập của SV một cách hiệu quả.

CMS tại DLA cho phép tạo lập các khóa học điện tử, hỗ trợ quản lý nội dung bài giảng, cung cấp tài liệu, tổ chức các bài kiểm tra – đánh giá,

thu thập bài tập và theo dõi điểm số. Giảng viên có thể chỉ định SV được phép truy cập vào khóa học, đảm bảo tính bảo mật và cá nhân hóa trong quá trình học tập.

4.2. Những đặc điểm nổi bật của hệ thống

Tải và chia sẻ tài liệu: Giảng viên có thể dễ dàng đăng tải bài giảng, tài liệu học tập, bài tập, tài nguyên tham khảo lên hệ thống. SV có thể truy cập các nội dung này bất cứ lúc nào, góp phần hỗ trợ việc học tập linh hoạt và chủ động.

Diễn đàn và Chat trực tuyến: Hệ thống tích hợp công cụ diễn đàn và chat, cho phép SV và giảng viên tương tác ngoài giờ học. Diễn đàn giúp trao đổi, thảo luận các vấn đề học tập chuyên sâu, còn công cụ chat tạo điều kiện thảo luận nhóm nhanh chóng và trực tiếp.

Bài kiểm tra và khảo sát đánh giá: CMS hỗ trợ tạo bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận hoặc khảo sát, giúp giảng viên đánh giá mức độ tiếp thu của SV theo từng giai đoạn. Hệ thống cho phép phản hồi tức thì, hỗ trợ quá trình học tập mang tính phân xạ và hiệu quả hơn.

Tập hợp và xem lại bài tập: Bài tập và sản phẩm học tập của SV được lưu trữ và theo dõi dễ dàng. Giảng viên có thể nhận xét, đánh giá và trả bài trực tiếp trên hệ thống, giúp tiết kiệm thời gian và nâng cao chất lượng phản hồi.

Theo dõi điểm số học tập: Bảng điểm trực tuyến cho phép SV theo dõi tiến độ học tập cá nhân. Hệ thống bảo mật thông tin cá nhân, chỉ cho phép SV xem điểm số của chính mình. Đồng thời, giảng viên có thể tải bảng điểm về để phục vụ việc tổng kết và thống kê.

4.3. Các bước xây dựng bài giảng trên DLA E-learning

Bước 1: Xây dựng/điều chỉnh đề cương chi tiết: Giảng viên cần xác định rõ nội dung nào sẽ được triển khai qua hình thức face-to-face, qua E-learning hoặc blended learning. Đồng thời, thiết kế nội dung đánh giá phù hợp theo từng hình thức.

Bước 2: Lập kế hoạch giảng dạy: Phân chia nội dung giảng dạy theo chủ đề lớn (section) và các chủ đề nhỏ (sub-section), xây dựng nội dung bao gồm video, text, câu hỏi đánh giá. Cần tham khảo chuẩn đầu ra và học liệu phù hợp.

Bước 3: Phê duyệt của Ban lãnh đạo Khoa: Trước khi đăng tải lên hệ thống, nội dung giảng dạy cần được thông qua Ban lãnh đạo Khoa để đảm bảo tính khoa học, phù hợp với định hướng đào tạo.

Bước 4: Xây dựng học liệu: Giảng viên tiến hành xây dựng bài giảng dưới nhiều hình thức: tài

liệu văn bản, video bài giảng, audio, bài tập tương tác và câu hỏi đánh giá nhằm tối ưu hóa quá trình học tập của SV.

Hệ thống DLA E-learning không chỉ là một công cụ hỗ trợ giảng dạy mà còn là cầu nối giữa công nghệ và giáo dục, hướng đến mô hình đào tạo hiện đại, linh hoạt và hiệu quả. Trong bối cảnh giáo dục đại học đang dần chuyển mình theo hướng số hóa và hội nhập quốc tế, hệ thống này đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp cận tri thức mọi lúc, mọi nơi.

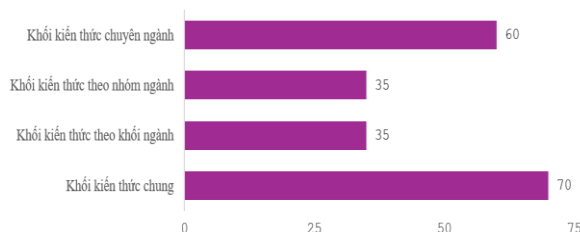
5. Kết quả khảo sát đánh giá phương pháp giảng dạy blended learning

Học phần PPNCKH được giảng dạy và hoàn tất báo cáo seminar vào tháng 5/2025. Việc thiết kế và triển khai khảo sát đánh giá phương pháp *Blended learning* được thực hiện từ ngày 01/5/2025 đến 20/5/2025 đối với SV các lớp 23TC, 23QT, 23KT (khối ngành Kinh tế), với 111/127 SV tham gia (87,5%). Khảo sát gồm 2 phần: (1) hiểu biết và thực trạng sử dụng công cụ E-learning, (2) đánh giá phương pháp Blended learning và (3) ý kiến khác về học phần.

5.1. Hiểu biết, kỹ năng sử dụng và thực trạng sử dụng E-learning

Tất cả SV các lớp 23TC, 23QT, 23KT đều từng học các học phần có sử dụng hệ thống E-learning tại DLA. Từ năm 2025, trường chuyển sang Moodle thay cho nền tảng OpenEdx tại địa chỉ www.elearning.daihoclongan.edu.vn. Nhờ từng trải nghiệm học tập trên nền tảng này nên SV không gặp nhiều khó khăn khi áp dụng phương pháp Blended learning cho học phần PPNCKH.

SV đã học trực tuyến ở nhiều khối kiến thức khác nhau: kiến thức chung, ngành, nhóm ngành và chuyên ngành (Hình 1). Điều này cho thấy việc học PPNCKH theo hình thức Blended learning là phù hợp và không gây trở ngại.



Hình 1. Các học phần đã học trực tuyến

Về thời gian học trực tuyến, khoảng 50% SV dành từ 3 giờ trở lên mỗi tuần để học tập, số còn lại dưới 3 giờ. Cụ thể, 35,7% SV dành 1 giờ/tuần, 14,3% dành 2 giờ, 7,1% dành 3 giờ, 28,6% dành 4 giờ và 14,3% dành trên 4 giờ.

Đa số SV cho biết không gặp khó khăn khi sử dụng phần mềm học tập trực tuyến. Trước khi bắt đầu học phần, giảng viên đã hướng dẫn cách đăng nhập và sử dụng phần mềm, đồng thời phần mềm cũng tương thích với nhiều thiết bị như máy tính, điện thoại, máy tính bảng, TV thông minh, giúp việc tiếp cận nội dung học tập thuận tiện hơn.

Về cơ sở vật chất phục vụ E-learning, 57% SV cho rằng hệ thống hiện tại chỉ đáp ứng ở mức tối thiểu đến vừa phải. Một số khó khăn được phản ánh bao gồm nghẽn mạng, mất kết nối hoặc không truy cập được hệ thống – điều này phần nào liên quan đến quá trình chuyển đổi nền tảng và đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Khi được hỏi về nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật, phần lớn SV đánh giá là không cần thiết hoặc chỉ cần ở mức cơ bản do đã quen sử dụng hệ thống. Chỉ khoảng 15 - 20% SV mong muốn có thêm hỗ trợ để việc học tập hiệu quả hơn. Điều này cho thấy SV đã có kỹ năng tự học tốt và thích nghi tốt với hình thức học tập trực tuyến.

Về mong muốn tỷ lệ học trực tuyến trong học

phần, trên 85% SV lựa chọn mức 30 - 50% thời lượng, tương đương khoảng 20 - 30 tiết. Con số này phù hợp với thiết kế học phần PPNCKH hiện có 1 tín chỉ tự học (tương đương 30 tiết).

Kết quả khảo sát cho thấy SV khối ngành Kinh tế có nền tảng tốt trong việc học trực tuyến và sẵn sàng tiếp cận phương pháp Blended learning. Dù còn một số bất cập về hạ tầng, nhưng SV không gặp khó khăn đáng kể về kỹ thuật và mong muốn tăng tỷ lệ học trực tuyến phù hợp với thiết kế học phần. Điều này chứng tỏ phương pháp Blended learning có thể áp dụng hiệu quả cho học phần PPNCKH tại DLA.

5.2. Tính hiệu quả và sự phù hợp của phương pháp Blended Learning

Phương pháp Blended Learning đã được giảng viên vận dụng hiệu quả trong giảng dạy học phần PPNCKH. Việc kết hợp linh hoạt giữa các phương pháp: thuyết giảng, thảo luận nhóm, nêu vấn đề, Seminar và học tập trực tuyến đã giúp SV chủ động tiếp cận kiến thức và phát triển nhiều kỹ năng học tập hiện đại (Bảng 1).

Bảng 1. Kết quả khảo sát về tính hiệu quả và phù hợp của phương pháp Blended learning

Nội dung khảo sát	1	2	3	4	5
Giới thiệu đầy đủ đề cương chi tiết môn học, mục tiêu, CDR, phương pháp giảng dạy, đánh giá và TLTK	27.3%	68.2%	4.5%	0%	0%
Phương pháp giảng dạy Blended learning, giới thiệu cách đăng nhập hệ thống LMS và cách sử dụng	27.3%	68.2%	4.5%	0%	0%
Tổ chức lớp học, hướng dẫn sinh viên học tập hiệu quả theo phương pháp mới	31.8%	68.2%	0%	0%	0%
Phối hợp hiệu quả và áp dụng các phương pháp giảng dạy, học tập tích cực nhằm khuyến khích sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm	27.3%	72.7%	0%	0%	0%

Ghi chú: 1. Hoàn toàn đồng ý, 2. Đồng ý, 3. Phân vân, 4. Không đồng ý, 5. Hoàn toàn không đồng ý

Buổi đầu tiên giảng dạy, giảng viên đã chuẩn bị và giới thiệu ban đầu rõ ràng, đầy đủ về: Đề cương chi tiết môn học, Chuẩn đầu ra, Phương pháp giảng dạy, đánh giá, Hệ thống LMS. Việc trình bày này được SV đánh giá cao (trên 93% đồng ý/hoàn toàn đồng ý), góp phần quan trọng giúp SV định hướng và chuẩn bị tâm thế học tập ngay từ đầu học phần.

Về hướng dẫn sử dụng hệ thống LMS – E-learning, giảng viên đã hướng dẫn cụ thể cách đăng nhập, truy cập tài liệu, theo dõi bài giảng và nội dung học. Tuy nhiên, một số sinh viên vẫn gặp khó khăn trong quá trình sử dụng do chưa quen với thao tác trên hệ thống. Đây là vấn đề kỹ thuật khách quan cần được nhà trường tiếp tục hỗ trợ và cải thiện để nâng cao hiệu quả học tập.

Về tổ chức lớp học và hướng dẫn học tập hiệu

quả: Tỷ lệ 100% SV hài lòng với phương pháp giảng dạy mới cho thấy giảng viên tổ chức lớp học khoa học, có hướng dẫn rõ ràng cho từng hoạt động và sử dụng các hình thức đánh giá đa dạng như seminar, bài báo cáo, thảo luận, thi tự luận. Điều này phù hợp với nguyên tắc học tập chủ động, lấy người học làm trung tâm. Về phát triển tư duy độc lập và kỹ năng tự học, giảng viên đã khuyến khích SV chủ động tìm kiếm tài liệu, Phát triển tư duy phản biện, Tăng khả năng làm việc nhóm và trình bày. Mô hình học phù hợp với tháp học tập, trong đó các hoạt động như thảo luận, thực hành giúp tăng khả năng tiếp thu kiến thức lên đến 75%.

Kết quả về kiểm tra - đánh giá rõ ràng, minh bạch: Giảng viên đã công bố rõ ràng các hình thức, tiêu chí và tỷ trọng đánh giá. Rubric đánh giá được sử dụng minh bạch, có tính phân loại năng lực

người học. SV đồng thuận cao (100%) về sự rõ ràng và hợp lý trong cách đánh giá. Kết quả về mức độ hài lòng tổng thể và đề xuất cải tiến cho thấy 86% SV hài lòng với giảng viên, cho thấy sự công nhận về chất lượng giảng dạy và thái độ chuyên nghiệp, thân thiện, 78% SV hài lòng với học phần và 73% SV hài lòng với phương pháp Blended Learning. Vấn đề duy nhất còn hạn chế là cơ sở hạ tầng LMS, nhưng đây là yếu tố kỹ thuật đang được cải thiện.

6. Kết luận – Kiến nghị

6.1. Kết luận

Mô hình học tập Blended learning là một bước chuyển đổi quan trọng từ phương pháp học tập truyền thống sang môi trường học tập hiện đại, linh hoạt và chủ động hơn. Việc áp dụng mô hình này vào giảng dạy học phần PPNCKH đối với khối ngành Kinh tế đã mang lại những kết quả tích cực. Giảng viên đã xây dựng hệ thống bài giảng điện tử, sử dụng phương pháp giảng dạy kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp, đảm bảo đầy đủ nội dung và mục tiêu học phần. SV thể hiện sự hài lòng với phương pháp dạy học Blended learning, đánh giá cao hệ thống E-learning, khả năng tiếp cận tài liệu học tập và tính hiệu quả trong việc củng cố kiến thức. Hình thức học tập này cũng giúp SV phát triển kỹ năng tự học, tư duy phản biện và khả năng làm việc nhóm. Điều này cho thấy mô hình Blended learning hoàn toàn có thể tiếp tục triển khai và nhân rộng trong giảng dạy các học phần khác tại trường.

6.2. Kiến nghị

Đối với SV: Cần chủ động chuẩn bị các thiết bị hỗ trợ học tập trực tuyến như điện thoại, máy tính, kết nối mạng ổn định. Đồng thời, SV cần hình thành thói quen tự học, rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, đặt câu hỏi và thảo luận để nâng cao năng lực cá nhân.

Đối với giảng viên: Cần đầu tư thời gian thiết kế nội dung học tập đa dạng, sử dụng các công cụ công nghệ hỗ trợ giảng dạy hiệu quả. Ngoài ra, cần có kế hoạch rõ ràng về tỷ lệ giữa học trực tuyến và học trực tiếp để SV dễ dàng sắp xếp thời gian học tập phù hợp.

Đối với nhà trường: Nên tăng cường đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật như máy chủ, tốc độ mạng, hệ thống E-learning ổn định và wifi toàn trường. Đồng thời, cần có cơ chế khuyến khích giảng viên tham gia giảng dạy theo mô hình Blended learning như hỗ trợ đào tạo, điều chỉnh giờ giảng và ghi nhận công sức đổi mới phương

pháp giảng dạy. Việc phối hợp đồng bộ giữa SV, giảng viên và nhà trường sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, hướng đến xây dựng môi trường giáo dục hiện đại, linh hoạt và phù hợp với xu thế phát triển của thời đại số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Công văn số 4771/BGDĐT-CNTT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023 - 2024*, 2023.
- [2] N. V. Toàn, “*Bài giảng Phương pháp Nghiên cứu Khoa học*”. Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, 2022. [Tài liệu lưu hành nội bộ].
- [3] J. B. Biggs, “*Teaching for Quality Learning at University*”, 2nd ed. Buckingham: Open University Press/Society for Research into Higher Education, 2003.
- [4] Đ. T. Thịnh and V. H. Q. Định, “*Mô hình Blended Learning thích hợp như thế nào trong giáo dục đại học khối kinh tế? Một tình huống triển khai tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh*”. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, no. 10, pp. 90–99, 2018.
- [5] H. N. Khương, “*Mô hình Blended Learning trong giáo dục đại học và thực tiễn áp dụng ở các trường đại học*”, *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, no. 45, tháng 9, 2021.
- [6] D. T. Diệp, “*Vận dụng các phương pháp và kỹ thuật giảng dạy tích cực tại UEF*”. Tạp chí Phát triển và Hội nhập, No. 7, tháng 10, 2010.
- [7] J. Hartley and I. K. Davies, “*Attention during lectures: Beyond ten minutes*”. Note Taking, vol. 34, No. 2, 1978.
- [8] E. Jensen, “*Brain-Based Education: Implications for Teaching and Learning*”. Jensen Learning, 1998.
- [9] K. L. Ruhl, C. A. Hughes, and P. J. Schloss, “*Using the pause procedure to enhance lecture recall*”. *Teacher Education and Special Education*, Vol. 10, No. 1, pp. 14–18, 1987. doi: 10.1177/088840648701000103
- [10] University of Oregon News, “*Adding group activities to large lectures shows promising results*”. OregonNews, Feb. 18, 2019.
- [11] N. V. Toàn và M. Phương, “*Đổi mới phương pháp giảng dạy tại Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An thông qua phương pháp dạy học thảo luận - seminar*”. *Tạp chí Kinh tế - Công nghiệp*, số 3, tháng 6, 2014.